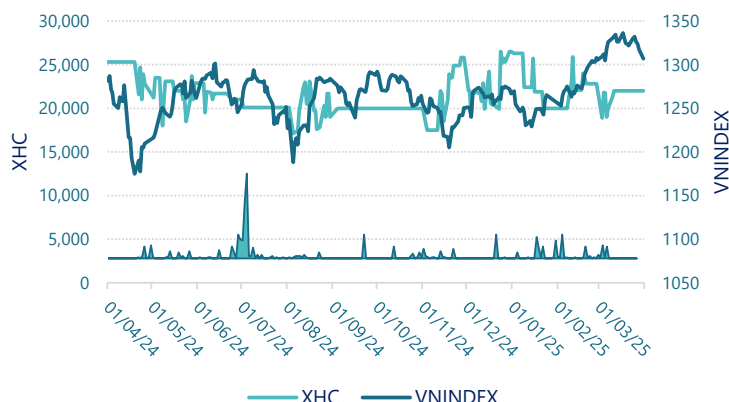


CTCP Xuân Hòa Việt Nam (UPCOM: XHC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/03/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	22,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	26,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	17,100
SL cổ phiếu LH	21,086,500
KLGD BQ 20 phiên (CP)	70
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	464
P/E	9.1
EPS	2,424

DT thuần

Q1/25

117

tỷ VNĐ

QoQ: ▼33.0| -22.0%

YoY: ▲ 7.00| 6.4%

LN sau thuế

Q1/25

0.36

tỷ VNĐ

QoQ: ▼2.18| -85.7%

YoY: ▲ 0.01| 4.0%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

12.9%

+/- YoY: ▲ 5.1%

DT thuần

2024

546

tỷ VNĐ

YoY: ▼243| -30.8%

LN sau thuế

2024

52.9

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 14.8| 38.9%

ROE

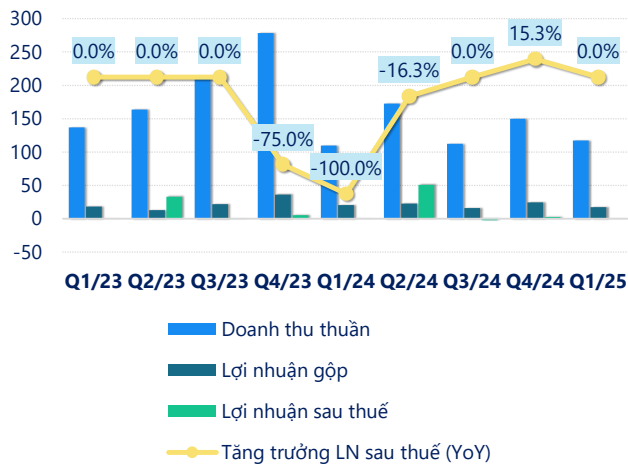
2024

15.6%

+/- YoY: ▲ 2.7%

tỷ VNĐ

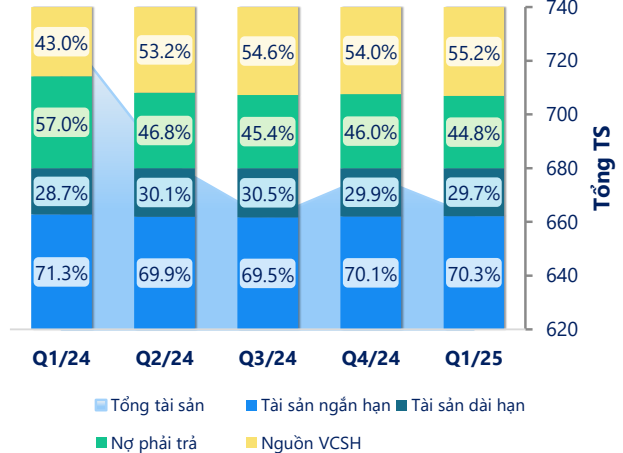
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

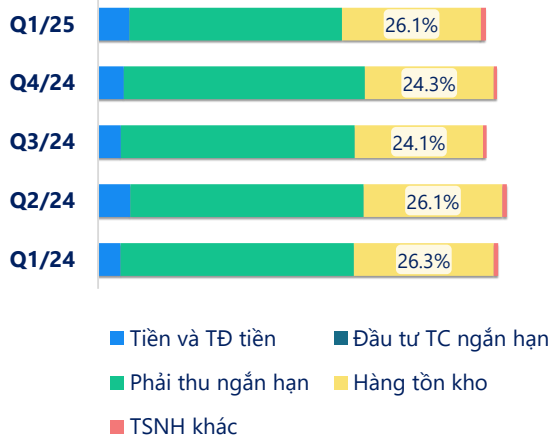
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



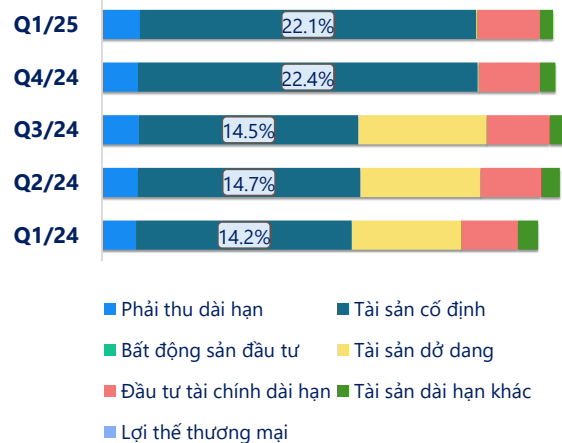
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

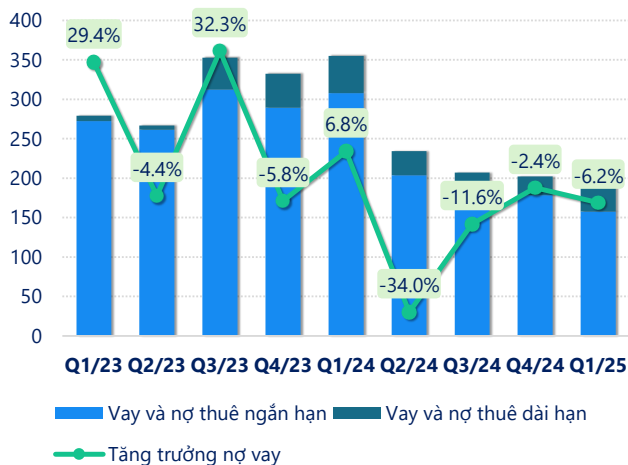
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

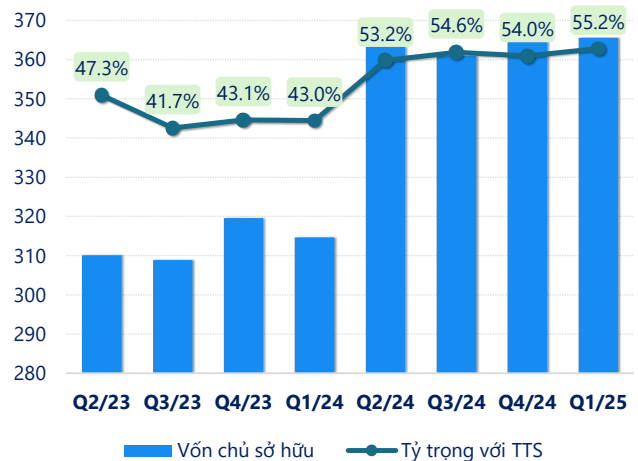
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

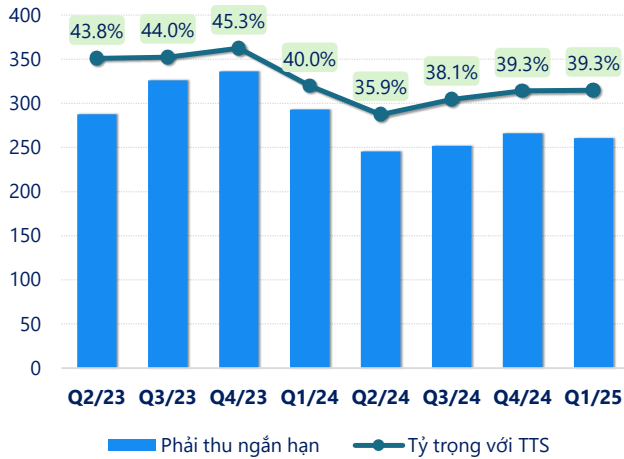
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



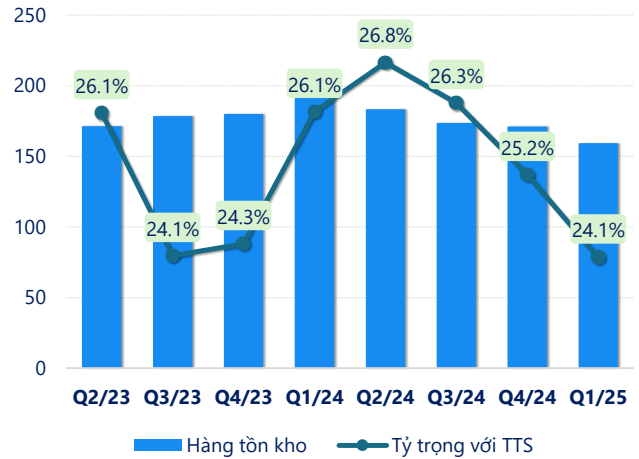
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


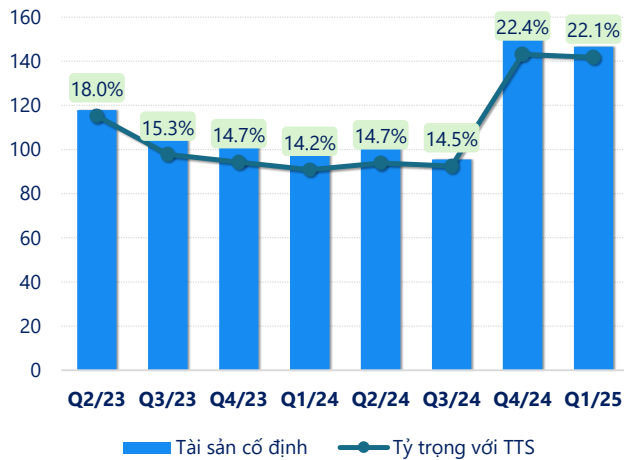
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


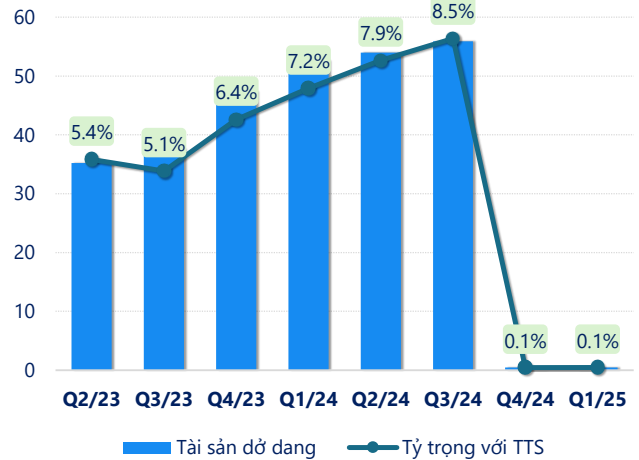
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

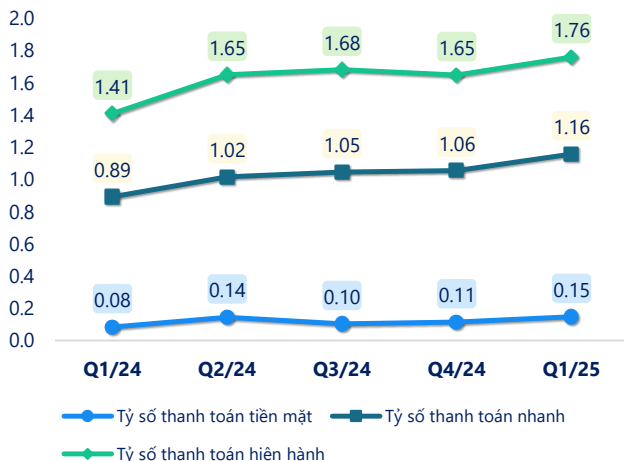
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

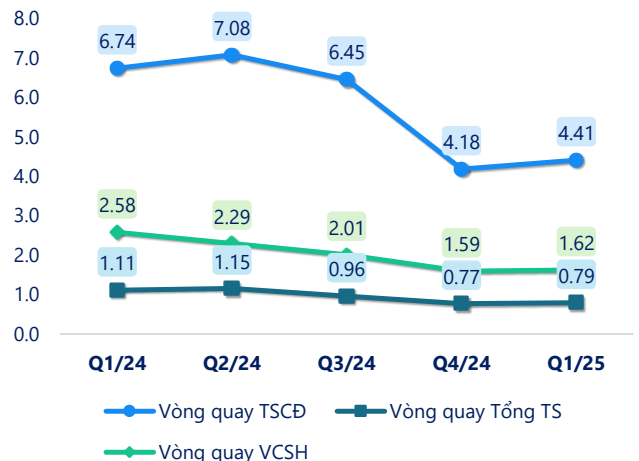
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	732	683	661	677	662
Tài sản ngắn hạn	522	477	459	475	466
Tiền và tương đương tiền	31.0	41.6	28.2	32.8	39.0
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	293	245	252	266	260
Hàng tồn kho	191	183	174	171	159
Tài sản ngắn hạn khác	6.72	7.18	5.85	5.45	6.76
Tài sản dài hạn	210	206	202	202	196
Phải thu dài hạn	16.5	16.0	16.0	16.0	16.5
Tài sản cố định	104	100	95.5	152	147
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	52.6	54.0	55.9	0.46	0.46
Đầu tư tài chính dài hạn	27.3	27.3	27.3	27.3	27.3
Tài sản dài hạn khác	9.84	8.37	7.05	6.91	5.62
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	418	320	300	312	296
Nợ ngắn hạn	370	289	273	288	264
Vay và nợ thuê ngắn hạn	308	204	180	179	158
Phải trả người bán ngắn hạn	37.0	54.1	68.7	72.5	65.3
Nợ dài hạn	47.3	30.7	27.2	23.7	32.0
Vay và nợ thuê dài hạn	47.3	30.7	27.2	23.7	32.0
Nguồn vốn chủ sở hữu	315	363	361	366	366
Vốn chủ sở hữu	315	363	361	366	366
Vốn điều lệ	211	211	211	211	211
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)